

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.**Câu 1:** 人们_____在失去友谊之后, 才懂得它的珍贵。

- A. 只有 B. 不管 C. 只要 D. 如果

Câu 2: 随着科技的进步, 人民的生活水平不断_____提高了。

- A. 得 B. 的 C. 地 D. 着

Câu 3: 她整容以后, 谁也_____。

- A. 认不出来她了 B. 不认出她来了 C. 认不出她来了 D. 认她不出来了

Câu 4: 我_____不吃今天的晚饭, _____要把作业做完。

- A. 不论……都…… B. 宁可……也……
C. 宁可……也不…… D. 因为……所以……

Câu 5: 凭_____多年的研究经验, 他的试验取得成功了。

- A. 着 B. 了 C. 过 D. 的

Câu 6: 我们可不能不重视森林对环保问题的重要_____。

- A. 用途 B. 功用 C. 功能 D. 作用

Câu 7: 他点点头, 很自信地说: “是的, 我的愿望_____就能实现了”。

- A. 刚才 B. 马上 C. 顺便 D. 差点儿

Câu 8: 谢谢大家来看我, 不_____送了, 慢走!

- A. 近 B. 快 C. 慢 D. 远

Câu 9: 明年的这个时候, 我们自己培养的学生就该毕业_____。

- A. 了 B. 过 C. 的 D. 着

Câu 10: 他总是忘我地工作, _____身体。

- A. 好好从没有自己爱护的过 B. 从没好好地爱护过自己的
C. 爱护过自己从没有好好的 D. 自己没好好爱护过从来的

Câu 11: 两国关系正朝_____21世纪共同繁荣的目标迈进。

- A. 过 B. 了 C. 的 D. 着

Câu 12: 司马光从小勤奋好学, 喜欢读书, _____立志要成为一个历史学家。

- A. 而 B. 并 C. 于 D. 在

Câu 13: _____老师说得很慢, _____我们都听懂了。

- A. 因为……所以…… B. 尽管……但是……
C. 虽然……但是…… D. 只要……就……

Câu 14: 张力_____中草药十分感兴趣。

- A. 于 B. 让 C. 向 D. 对

Câu 15: 我们这儿的夏天_____你们那儿凉快多少。

- A. 比较 B. 相同 C. 相比 D. 不比

Câu 16: 我们要时时刻刻_____眼睛, 使它免受伤害。

- A. 保管 B. 保卫 C. 保证 D. 保护

Câu 17: 老师这么热心地帮助我, _____ 我非常感动。

- A. 使 B. 给 C. 把 D. 被

Câu 18: 在春节 _____, 我们打算回老家去一趟。

- A. 之间 B. 期间 C. 时期 D. 中间

Câu 19: 妈, 今天我跟姐要进城办点儿事, 说不准什么时候回来, 晚饭就别等 _____ 了。

- A. 人家 B. 我们 C. 别人 D. 咱们

Câu 20: 植物会有像人一样的感情 _____?

- A. 呢 B. 啦 C. 啊 D. 吗

Câu 21: _____ 明天下雨, 足球赛 _____ 要照常进行。

- A. 无论……也…… B. 不管……也…… C. 哪怕……也…… D. 虽然……可……

Câu 22: 太晚了, 我 _____ 吧。

- A. 把你们送回去宿舍 B. 把你们送回宿舍去
C. 把宿舍送回你们去 D. 送回去宿舍把你们

Câu 23: 每跟他聊一次天, 我们都增添了 _____ 生活的自信。

- A. 一份 B. 一片 C. 一番 D. 一块

Câu 24: 我们学校决不能追求数量, 而 _____ 了质量。

- A. 得到 B. 忽略 C. 获得 D. 追赶

Câu 25: 王老师 _____ 有几十年的工作经验了, 知道如何对待这样的学生。

- A. 还是 B. 甚至 C. 总算 D. 毕竟

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 26: Phiên âm đúng của từ 保障 là: bǎozh _____.

- A. àn B. èng C. àng D. èn

Câu 27: Phiên âm đúng của từ 扩展 là: k _____ zhǎn.

- A. uà B. uò C. òu D. uàng

Câu 28: Phiên âm đúng của từ 成就 là: _____.

- A. chéngjiū B. chéngjiù C. chéngjiū D. chéngjiù

Câu 29: Phiên âm đúng của từ 举世 là: _____ ŭshì.

- A. n B. q C. j D. x

Câu 30: Phiên âm đúng của từ 成长 là: chéng _____ ǎng.

- A. zh B. c C. z D. ch

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 31: 一来北京他们就要求我带他们去参观 _____。

- A. 长城 B. 长盛 C. 长诚 D. 长成

Câu 32: 我们要尽量 _____, 买什么都不能大手大脚。

- A. 节约 B. 结药 C. 节药 D. 节约

Câu 33: 森林可以 _____ 空气, 对人类健康很有好处。

- A. 静化 B. 挣化 C. 净化 D. 争化

Đọc kỹ đoạn văn sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho mỗi câu từ 34 đến 38.

香蕉是我们在生活中常见的水果。但是您知道吗? 香蕉几乎含有所有的维生素和矿物质, 因此从香蕉中我们可以很容易得到各种营养。多吃香蕉有消除疲劳、减肥的功效; 另外, 最近的研究表明, 香蕉还具有预防癌症的效果。西红柿是一种蔬菜, 也可以当作一种水果吃, 生吃或者烹调味道都很不错。由于它不仅好吃, 而且具有丰富的营养价值, 因此西红柿又被称为“神奇的

菜中之果”。现在研究还表明：西红柿含有丰富的维生素 C，因此它还是一种天然的防癌食品。每天吃一个新鲜的西红柿，可防衰老。

(选自 HSK-北京语言大学出版社)

Câu 34: 下面哪种说法是不正确的?

- A. 香蕉有防癌的作用
- B. 维生素C可以防癌
- C. 香蕉中不含维生素
- D. 每天吃一个西红柿可以使人年轻

Câu 35: 短文中的“防癌”的意思是什么?

- A. 减少癌症
- B. 预防癌症
- C. 治疗癌症
- D. 控制癌症

Câu 36: 香蕉对身体有什么好处?

- A. 不可以减肥
- B. 可以增加体重
- C. 可以减肥、消除疲劳
- D. 不可以消除疲劳

Câu 37: 以下哪项是作者的观点?

- A. 西红柿比香蕉有营养
- B. 香蕉和西红柿都是水果
- C. 香蕉和西红柿都很有营养
- D. 香蕉比西红柿有营养

Câu 38: 西红柿被称为“神奇的菜中之果”的原因是:

- A. 不但好吃，而且营养丰富
- B. 既是蔬菜又是水果
- C. 含有丰富的维生素
- D. 除了防癌，还可以防衰老

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ / cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 39: 他们两个彼此关心，很快就成了好朋友。

- A. 互相
- B. 交换
- C. 同样
- D. 由于

Câu 40: 我等了半天，他才不紧不慢地走了过来。

- A. 不太快
- B. 不太慢
- C. 不着急
- D. 不快也不慢

Câu 41: 你千万不要错过这次出国留学的好机会。

- A. 失去
- B. 接受
- C. 误解
- D. 创造

Câu 42: 老李是我们公司的第一把手。

- A. 能干的人
- B. 最高领导
- C. 看门的人
- D. 一名职员

Câu 43: 只要认真学习，自然会取得好成绩。

- A. 当然
- B. 随便
- C. 顺便
- D. 固然

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 44: 通过这次夏令营，我们学到了很多知识。

- A. 名词
- B. 助词
- C. 介词
- D. 动词

Câu 45: 越南和中国的风俗习惯相仿佛。

- A. 动词
- B. 形容词
- C. 名词
- D. 副词

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ / cụm từ trong ngoặc.

Câu 46: A 他们 B 做得到, C 我们就做 D 不到吗? (难道)

Câu 47: A 现在的年轻人 B 都 C 受过西方文化的 D 影响。 (或多或少)

Câu 48: A 一种语言都不是 B 轻易可以学好的, C 我们一定要下 D 苦功夫。 (任何)

Câu 49: 我 A 跟 B 王林 C 在首都河内剧场 D。 (见面)

Câu 50: 让他 A 干什么 B 他都是 C 这么 D 样子。 (快快乐乐的)

----- HẾT -----